

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÀNH NAM BP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÀNH NAM BP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH NAM BP PRODUCTION TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH SXTM THÀNH NAM BP

2. Mã số doanh nghiệp: 3801173867

3. Ngày thành lập: 24/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu phố Bình Giang 1, Phường Sơn Giang, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0904 144388

Fax:

Email: saletanuyen@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ đóng gói	8292
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
3.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
4.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
5.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
6.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
7.	Chăn nuôi khác chi tiết: - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
8.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
9.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
10.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
11.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
12.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
13.	Khai thác gỗ	0221
14.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
15.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
16.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
17.	Sản xuất giống thủy sản	0323
18.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321

19.	Khai thác quặng sắt	0710
20.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
21.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
22.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
23.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
24.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
25.	Sản xuất đường	1072
26.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
27.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
28.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
29.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
30.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4541
31.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy).	4543
32.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
33.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết : Bán buôn hàng chè, hạt điều, tinh bột sắn, hạt tiêu, cà phê, nông sản khác	4620
34.	Bán buôn gạo	4631
35.	Bán buôn đồ uống	4633
36.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
37.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
38.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa	5229
40.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu;	7730

41.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác: trứng và sản phẩm từ trứng; dầu, mỡ động thực vật; hạt tiêu, hạt điều, gia vị khác; thức ăn cho động vật cảnh.	4632(Chính)
42.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
43.	Chăn nuôi lợn	0145
44.	Chăn nuôi gia cầm	0146
45.	Bán buôn tổng hợp	4690
46.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
47.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
48.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, cho thuê văn phòng (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
51.	Trồng lúa	0111
52.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
53.	Trồng cây mía	0114
54.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
55.	Trồng cây lấy sợi	0116
56.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
57.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
58.	Trồng cây hàng năm khác	0119
59.	Trồng cây ăn quả	0121
60.	Trồng cây điều	0123
61.	Trồng cây hồ tiêu	0124
62.	Trồng cây cao su	0125
63.	Trồng cây cà phê	0126
64.	Trồng cây chè	0127
65.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
66.	Trồng cây lâu năm khác	0129

67.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
68.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
69.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
70.	Khai thác thủy sản biển	0311
71.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
72.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
73.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
74.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
75.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
76.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Trộn chè và chất phụ gia ; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm ; - Sản xuất súp và nước xút ; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc ; - Sản xuất giấm ; -- Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo ; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn; - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia ; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm ; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ	1079
77.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
78.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
79.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
80.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
81.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
82.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
83.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

84.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649
85.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác	4663
86.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
87.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
88.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
89.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGÔ THÀNH NAM	CH402, C/cư CS 113, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	66,667	024076000282	
2	ĐỖ THỊ TÂM	Phòng 273-K2 Tòa CC The K - Park Khu đô thị mới Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	33,333	C0487165	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ THÀNH NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 09/04/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 024076000282

Ngày cấp: 15/06/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: CH402, C/cư CS 113, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: CH402, C/cư CS 113, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước